

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 135/2023/DS - PT

Ngày 24 – 3 – 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLPT- DS, ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: số 224/2022/DS - ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2023/QĐ – PT, ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐ – PT ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị G; địa chỉ: AK, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; cùng vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Ông Trần Phước M; địa chỉ: NCT, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Ông Trần Phước B; địa chỉ: AK, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Ông Tô Tiến D; địa chỉ: MHD, phường TT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Lê Thị Thu H và ông Hồ Thanh T; địa chỉ: 48/31 HV, phường TA, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Thu H: Ông Hồ Thanh T (bà H vắng mặt, ông T có mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1990 gia đình ông Hồ Thanh T, bà Lê Thị Thu H làm nhà lán sang phần đất của gia đình ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G tại hẻm 41B NCT (nay là hẻm 48 HV) ngang 01m, dài 10,5m (diện tích $10,5m^2$) kể cả phần không gian 20cm mở cửa sổ và đưa ống thoát khỏi qua phía nhà ông N, bà G. Sau nhiều lần ông N, bà G gửi đơn lên Ủy ban nhân dân phường TA giải quyết nhưng không thành vì phía ông T, bà H không lên cũng không cử người đại diện lên phường làm việc.

Trong thời gian đại Ủy ban nhân dân phường TA giải quyết thì gia đình ông N, bà G được biết, năm 2001, gia đình ông T được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4001070309 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20/7/2001. Gia đình ông N, bà G không biết làm như thế nào mà gia đình ông T, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng khi chưa ký giáp ranh với gia đình ông N, bà G.

Qua tìm hiểu gia đình ông N, bà G được biết phần đất của gia đình ông T, bà H được hợp từ 02 phần đất như sau: Một phần đất nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Trần Đ, bà Hồ Thị Tuyết L với chiều ngang 4,5m; dài 10m, diện tích $45m^2$. Một phần đất nhận chuyển nhượng từ gia đình ông N, bà G với thỏa thuận bằng giấy viết tay có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường TA ngày 22/01/1997 là chuyển nhượng đất thổ cư cho ông T, bà H với chiều ngang 4m, dài 10,5m; diện tích $42m^2$. Như vậy, tổng diện tích sau 02 lần chuyển nhượng đất của gia đình ông T là $87m^2$ ($45m^2 + 42m^2$) nhưng hiện nay trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4001070309 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/7/2001 tại thửa số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích $112,1m^2$

Nay đã có kết quả giám định chữ ký, chữ viết ngày 14/9/2002 và đã xác định phần ký giáp ranh không phải là chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn N mà do bà Lê Thị Thu H và ông Hồ Thanh T đã tự ý giả chữ ký chữ viết của ông Trần Văn N để đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T.

Nay ông N, bà G yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông T, bà H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông N, bà G gồm phần không gian máng nước dài 15cm, ngang 04m phía sau và phần đất lấn chiếm năm 1997 ngang 01m, dài 10m, diện tích 10,5m² trong thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12 trong diện tích 112,1m² đất tọa lạc tại 48/31 HV, phường TA, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T trình bày:

Bị đơn bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T trình bày: Vào năm 1971 gia đình tôi có mua nhà và đất của vợ chồng ông Trần Đ, bà Hồ Thị Tuyết Lan tọa lạc tại đường hẻm Lê Lợi, xã Lạc Giao (nay thuộc số 18/31 HV, Tổ dân phố 3, phường TA, Tp. Buôn Ma Thuột) gồm: 01 căn nhà ván ngang 4,5m dài 10m (nhưng do thực tế là 11,47m) diện tích khoảng 45m² nằm sát ván nhà ông N, bà G phần đất còn lại tiếp giáp với nhà ông Trần Đ và bà Trương Thị P.

Đến năm 1985 gia đình tôi có làm nhà và nở rộng ra ngang 06m, dài hơn 10m, phần đất còn lại vẫn tiếp giáp nhà ông Trần Đ, bà Trương Thị P, không liên quan đến vách nhà ông N, bà G (được biết nhà ông N, bà G mua lại từ ông Phan Thành vào năm 1979). Đến năm 1996 tôi được thừa kế và làm lại nhà ngang 5,7m; dài 10m (phần đất còn lại vẫn tiếp giáp nhà ông Trần Đ, bà Trương Thị P cho đến nay vẫn nguyên hiện trạng).

Năm 1997 ông N, bà G có bán cho tôi 01 lô đất ngang 04m, dài 10,5m. Đến năm 1999 tôi xây dựng trên lô đất đã mua của ông N, bà G làm khu vực bếp ngang 3,96m; dài 10,36m. Sở dĩ tôi không xây đúng 10,5m là vì phải chừa máng nước, cửa sổ để mở thoát khí, nếu không chừa máng nước khi mưa nước sẽ chảy hết và nhà ông N, bà G. Việc này 02 bên đã thỏa thuận và tôi đã làm thêm 5m máng nước theo gợi ý của bà G, tổng cộng 9m máng nước.

Suốt từ năm 1971 đến nay gia đình tôi vẫn làm ăn, sinh sống ổn định. Cách đây khoảng 06 năm (năm 2014) nhà ông N, bà G đã xây nhà 03 tầng tiếp giáp với phía sau nhà tôi và chiều dài lúc này của nhà tôi chỉ còn 10,36m (trong giấy tờ mua bán của ông N, bà G là 10,5m) vì là hàng xóm nên tôi không tranh cãi gì. Đến năm 2019 gia đình ông N, bà G lại tranh chấp tiếp phần đất mà gia đình tôi chừa máng nước và cửa sổ dài 4m, ngang 1,13m, diện tích 0,52m². Sự việc này gia đình ông N, bà G có khiếu nại đến UBND phường TA nhưng vì lúc đó tôi đang ở thành phố Hồ Chí Minh xây nhà cho con nên tôi vắng mặt.

Cho đến năm 2020 ông N, bà G lại kiện chúng tôi đến Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Sau khi xem hồ sơ khởi kiện thì tôi mới biết ông N, bà G tự ý giả chữ ký giáp ranh với gia đình tôi và cắt thửa đất phần mà họ đã bán cho tôi ngang 4m, dài 10,19m. Trong khi theo giấy tờ vợ chồng ông N, bà G bán cho

gia đình tôi lô đất ngang 4m, dài 10,5m và còn vu khống vô căn cứ năm 1997 tôi xây nhà lấn sang đất của gia đình họ ngang 01m, dài 10,5m.

Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G thì bị đơn không đồng ý vì gia đình tôi sử dụng diện tích đất và xây nhà ổn định từ năm 1997 đến nay nên vợ chồng tôi không có hành vi lấn chiếm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 224/2022/DS - ST ngày 25/11/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 166, Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Luật đất đai năm 1993; Căn cứ Điều 164; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị G về việc:

Buộc bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T phải yêu cầu tháo gỡ mảng nước xây ra ngang 15cm, dài 04 m và buộc bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T phải trả lại diện tích đất 01m ngang, dài 10,5m= 10,5m² cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị G (Đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12 trong diện tích 112,1m đất tọa lạc lại tại 48/31 HV, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk)

Vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ông T, bà H 10,5m; Phía Tây giáp đất ông N bà G 01m; Phía Nam giáp đất của ông N bà G 10,5m; Phía Bắc giáp đường hẻm 48 HV 01m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2022, nguyên đơn ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G là không có căn cứ để chấp nhận, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm phần đất có chiều rộng 01m, chiều dài 10,5m, diện tích 10,5m² HDXX nhận định như sau:

[1.1]. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 20/02/2023 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001070504 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/5/2003 thì diện tích ông Trần Văn N, bà Trần Thị Gái sử dụng diện tích đất 199,1m², trong đó cạnh 5-6 tiếp giáp với phần đất nhà ông T, bà H có chiều dài 10,19m và cạnh 4-5 (tiếp giáp hẻm HV) là 5,13m. Tuy nhiên, theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 17/3/2022 của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa SG – Chi nhánh Đắk Lắk thì diện tích thực tế ông N, bà G đang sử dụng là 205m², nhiều hơn 5.9m² so với GCNQSD đất, trong đó thực tế chiều dài cạnh 5 – 6 là 10,46m (nhiều hơn 27cm so với GCNQSD đất) và chiều dài cạnh 4 -5 là 4,97m, thiếu 16cm so với GCNQSD đất).

- Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 27/6/2001 (BL 113) và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4001070309 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/7/2001 thì diện tích ông T, bà H sử dụng là 112,1m², trong đó cạnh 2- 3 tiếp giáp với nhà ông N, bà G là 10,50m; cạnh 3-4 tiếp giáp đường hẻm HV) là 10,73m. Tuy nhiên, Theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 17/3/2022 của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa SG – Chi nhánh Đắk Lắk thì diện tích thực tế ông T, bà H đang sử dụng là 126.4m², dư 14,3m; cạnh 2- 3 tiếp giáp với nhà ông N, bà G thực tế là 10,46m, thiếu 4cm và cạnh 3-4 tiếp giáp đường hẻm HV) thực tế là 10,97m, dư 27cm so với hồ sơ kỹ thuật.

[1.2]. Nếu kéo thẳng tường nhà phía trước của nguyên đơn ra phía sau thì phía sau của bị đơn dư 23cm, phía trước dư 5cm. Phía bị đơn xác nhận năm 1971, bố của bị đơn có mua của ông Trần Đ, bà Hồ Thị Tuyết L 01 căn nhà gỗ diện tích khoảng 45m². Tại thời điểm này chỉ được mua nhà mà không được chuyển nhượng đất, do đó giấy tờ mua bán không thể hiện phần đất bao chiếm xung quanh. Năm 1996, khi gia đình bị đơn xin giấy phép xây dựng, UBND phường TA đã xác nhận gia đình bị đơn đã lấn sang phần đất phía sau của ông N, bà G 30cm, chính vì vậy, ông N, bà G thấy đất của mình không thẳng nên đã chuyển nhượng tiếp cho ông Hồ Thanh T diện tích ngang 4m x dài 10,5m. Phía bị đơn đã xây nhà ổn định từ 1996 đến nay không có tranh chấp và không có hành vi lấn chiếm, đã được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp GCNQSD đất năm 2001.

Phía nguyên đơn cho rằng ông Hồ Thanh T, bà Lê Thị Thu H có hành vi lấn chiếm đất tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh mà chỉ căn cứ vào việc diện tích thực tế nguyên đơn đơn đang quản lý, sử dụng ít hơn diện tích trong GCNQSD đất. Mặt khác, tại giấy mua bán nhà (BL 201) ngày 15/6/1979 ông N, bà G mua diện tích nhà 65m² + 15m² = 80m², khi chuyển nhượng cho ông T, bà H, đất của ông N, bà G chưa có GCNQSD đất và các bên cũng không giao đất trên thực địa. Hiện tại diện tích đất ông N, bà G đang quản lý, sử dụng sau khi trừ đi diện tích đã chuyển nhượng cho ông T, bà H là 205m², nhiều hơn so với diện tích được cấp trong GCNQSD đất.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn xác định phía bị đơn đã xây dựng nhà ở kiên cố từ năm 1997, khi làm nhà, bị đơn đã lấn chiếm đất của nguyên đơn và nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu UBND phường TA giải quyết, tuy nhiên, phía nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Mặt khác, tại điểm đ khoản 2, Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ – CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất quy định:

“2. Người đang sử dụng đất có một trong các giấy tờ quy định sau đây thì làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được thực hiện các quyền theo quy định của Nghị định này:

....đ) Giấy tờ về thừa kế nhà đất; tặng, cho nhà đất được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận và đất đó không có tranh chấp”.

Như vậy, việc ông N, bà G được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001070504 đã thể hiện tại thời điểm nói trên, ông N, bà G không có tranh chấp với các hộ liên kề.

Việc chênh lệch giữa số đo thực tế và số đo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số trong quá trình đo đạc, không phải là căn cứ xác định ông T, bà H có hành vi lấn chiếm đất của ông N, bà G.

[1.4]. Đối với yêu cầu buộc bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T phải yêu cầu tháo gỡ mảng nước xây ra ngang 15cm, dài 04m, HĐXX thấy rằng: Phần mảng nước nằm hoàn toàn trong phần diện tích đất do ông T, bà H quản lý sử dụng. Do ông T, bà H không có hành vi lấn chiếm đất của ông N, bà G nên yêu cầu tháo dỡ mảng nước là không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 224/2022/DS - ST ngày 25/11/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí

[3.1]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản, 3.600.000 đồng tiền chi phí đo đạc và 4.050.000 đồng tiền chi phí giám định. Số tiền này ông N, bà G đã nộp và đã chi phí xong.

[3.2]. Về án phí: Ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1]. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 224/2022/DS - ST ngày 25/11/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[2]. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị G về việc:

Buộc bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T phải yêu cầu tháo gỡ mảng nước xây ra ngang 15cm, dài 04 m và buộc bà Lê Thị Thu H, ông Hồ Thanh T phải trả lại diện tích đất ngang 01m x dài 10,5m= 10,5m² cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị G (Đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12 trong diện tích 112,1m đất tọa lạc tại 48/31 HV, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk)

Vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ông T, bà H dài 10,5m; Phía Tây giáp đất ông N bà G dài 01m; Phía Nam giáp đất của ông N bà G dài 10,5m; Phía Bắc giáp đường hẻm 48 HV dài 01m.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí

[3.1]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản, 3.600.000 đồng tiền chi phí đo đạc và 4.050.000 đồng tiền chi phí giám định. Số tiền này ông N, bà G đã nộp và đã chi phí xong.

[3.2]. Về án phí: Ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị G là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Triết